TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-ST
Ngày: 19/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hòang Mích.

Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2 Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* **Hồ Thị T1**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4 Cây Trôm, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2023 và những lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2020, do quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị T có cho bà Hồ Thị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay tiền để bà T1 làm vốn mua, bán quần áo, lãi suất là 6%/tháng, đồng thời mỗi ngày phải

trả vốn và lãi, trả đủ trong thời hạn 50 ngày. Tuy nhiên, bên bị đơn Hồ Thị T1 trả được 16 ngày, sau đó không trả nữa. Số tiền còn thiếu lại là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Bên bà T đã nhiều lần liên hệ để đòi nợ nhưng bà T1 hẹn nhiều lần không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2023, cụ thể bà T yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà Hồ Thị T1 phải hoàn trả cho bà T số tiền vay còn thiếu là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

(Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp là giấy xác nhận nợ, bút lục số 03)

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2023, những lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Hồ Thị T1 trình bày:

Bà Hồ Thị T1 thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), mục đích bà T1 vay tiền để làm vốn mua, bán quần áo. Bà T1 đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay còn thiếu là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), tuy nhiên hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn, bà T1 yêu cầu khi nào bán được nhà sẽ trả nợ cho bà T.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn Nguyễn Thị T đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ, tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Hồ Thị T1 vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Buộc bà Hồ Thị T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ vay còn thiếu là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Hồ Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

Bà Hồ Thị T1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị T và còn nợ lại 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Bà T khởi kiện bà T1 đòi lại số tiền đã vay, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Hồ Thị T1 có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp 4 Cây Trôm, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nội dung vụ án.

Năm 2020, do quan hệ quen biết với nhau, bà Hồ Thị T1 có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để làm vốn mua, bán quần áo. Sau đó đã trả một phần nợ, số tiền nợ còn thiếu lại là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Việc bà T1 vay tiền của bà T, bà T1 đã thực hiện hết quyền nhận tài sản, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa Tận là vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong quá trình tố tụng, bị đơn Hồ Thị T1 thừa nhận còn nợ nguyên đơn Nguyễn Thị T số tiền vay là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu bà T1 trả lãi số tiền trên.

[5] Xét yêu cầu trả nợ của bị đơn.

Việc bà Hồ Thị T1 cho rằng hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn, bà yêu cầu khi nào bán được nhà sẽ trả nợ cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T1 không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận, đây là cách thực hiện việc trả nợ, các bên được quyền thỏa Tận trong giai đoạn thi hành án.

[6] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T được chấp nhận toàn bộ, do đó bị đơn Hồ Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 65.000.000 đồng X 5% = 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Hồ Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Hồ Thị T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay còn thiếu là 65.000.000 đồng (Sáu mươi năm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu trả tiền lãi của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Bà Hồ Thị T1 phải chịu án phí với số tiền là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0007419 ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Hồ Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi